

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN SINH LỚP 10 TRƯỜNG PT DTNT

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG PTDTNT THCS VÀ THPT CƯ JÚT

Năm học: 2026-2027

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Nữ	Dân tộc	Địa chỉ nơi đăng ký thường trú *	Thời gian cư trú ở vùng quy định	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	Lớp 9		Ghi chú
												ĐTB	Toán, Văn	
1	NÔNG MINH KIẾT	01/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	Thôn 20, Xã Nam Dong, Tỉnh Lâm Đồng	21/04/2011	1.0	0	40.0	41.0	8.5	17.0	
2	HÀU THỊ DUNG	16/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	Thôn 9 Cư Knia, Xã Cư Jút, Tỉnh Lâm Đồng	07/03/2011	1.0	0	39.0	40.0	8.4	16.8	
3	LÝ THỊ THÚY	13/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	Thôn 9 Cư Knia, Xã Cư Jút, Tỉnh Lâm Đồng	11/07/2012	1.0	0	38.0	39.0	8.4	16.4	
4	NGÂN HOÀNG ÂN	03/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	Thôn 8 Cư Knia, Xã Cư Jút, Tỉnh Lâm Đồng	14/03/2012	1.0	0	37.0	38.0	8.1	15.8	
5	VŨ THỊ HẠNH	04/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	H'mông	Thôn 20, Xã Cư Jút, Tỉnh Lâm Đồng	12/10/2015	1.0	0	36.0	37.0	8.1	16.0	
6	LÃNG HỮU PHƯỚC	10/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	Thôn 7, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng	10/05/2011	1.0	0	36.0	37.0	8.1	15.3	
7	HOÀNG QUANG MINH	27/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	Thôn 7 Cư Knia, Xã Nam Dong, Tỉnh Lâm Đồng	27/05/2011	1.0	0	36.0	37.0	7.8	13.9	
8	VI THỊ NGỌC TRÂM	04/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn Thanh Sơn, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng	21/01/2013	1.0	0	36.0	37.0	7.7	15.6	Có đơn XN thời gian thường trú
9	PHÙNG THỊ THU HƯƠNG	20/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn 18, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng	04/10/2011	1.0	0	36.0	37.0	7.6	14.5	
10	HOÀNG THỊ THU HỒNG	20/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn 17, Xã Nam Dong, Tỉnh Lâm Đồng	04/04/2014	1.0	0	36.0	37.0	7.6	13.6	
11	HOÀNG THỊ BẢO TRÂM	03/07/2011	Đăk Lăk	Nữ	Nùng	Thôn 25, Xã Nam Dong, Tỉnh Lâm Đồng	16/04/2012	1.0	0	39.0	40.0	8.6	17.1	
12	GIÀNG THỊ SONG	18/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	Thôn 7, Xã Cư Jút, Tỉnh Lâm Đồng	25/10/2016	1.0	0	39.0	40.0	8.5	15.7	
13	NÔNG QUỐC BÌNH	18/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	Thôn 27, Xã Nam Dong, Tỉnh Lâm Đồng	14/01/2012	1.0	0	35.0	36.0	7.7	14.6	
14	NÔNG AN NA	08/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	Thôn 5, Xã Cư Jút, Tỉnh Lâm Đồng	04/07/2011	1.0	0	34.0	35.0	7.9	14.9	
15	HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH	20/08/2011	Đăk Lăk	Nữ	Nùng	Thanh Xuân, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng	22/08/2012	1.0	0	34.0	35.0	7.2	13.1	
16	DƯƠNG THỊ NHẬT LỆ	01/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	Thôn 4, Xã Cư Jút, Tỉnh Lâm Đồng	22/03/2011	1.0	0	33.0	34.0	7.8	14.1	
17	TRIỆU THỊ NGỌC THU	18/10/2011	Tuyên Quang	Nữ	Dao	Thôn Đoàn Kết, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng	18/10/2011	1.0	0	32.0	33.0	7.8	14.5	
18	LƯƠNG HOÀI THÚY VÂN	12/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn 20, Xã Nam Dong, Tỉnh Lâm Đồng	15/08/2013	1.0	0	32.0	33.0	7.3	12.4	
19	LÝ HOÀNG LINH GIANG	15/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	Thôn 5, Xã Cư Jút, Tỉnh Lâm Đồng	26/07/2011	1.0	0	30.0	31.0	7.1	12.9	
20	LÝ HOÀNG MAI TRANG	05/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Hà Thông, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng	05/05/2011	1.0	0	32.0	33.0	6.9	11.6	
21	H NGHIP YA	01/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Xã Cư Jút, Tỉnh Lâm Đồng	18/09/2013	1.0	0	34.0	35.0	6.8	14.1	Có đơn XN thời gian thường trú
22	DƯƠNG THỊ YÊN NHI	01/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn Nam Tiến, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng	24/12/2011	1.0	0	32.0	33.0	6.7	13.4	Có đơn XN thời gian thường trú

23	MÙNG THỊ NGỌC	VY	04/04/2011	Đắk Lắk	Nữ	Tày	Thôn 2, Xã Cư Jút, Tỉnh Lâm Đồng	06/05/2011	1.0	0	32.0	33.0	6.6	11.3	
24	HOÀNG THỊ NHƯ	Ý	22/10/2011	TP. Đồng Nai	Nữ	Nùng	Thôn 9, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng	09/08/2012	1.0	0	29.0	30.0	7.4	11.8	
25	HOÀNG MỸ LỆ	ĐAN	08/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn 30, Xã Nam Dong, Tỉnh Lâm Đồng	13/03/2012	1.0	0	32.0	33.0	7.3	13.7	
26	HOÀNG THÀNH	ĐẠI	12/11/2011	Gia Lai	Nam	Nùng	Thôn 7, Xã Nam Dong, Tỉnh Lâm Đồng	08/08/2012	1.0	0	30.0	31.0	7.2	14.7	Có đơn XN thời gian thường trú
27	H SƯ CHƠN	BKRÔNG	23/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Xã Cư Jút, Tỉnh Lâm Đồng	04/05/2018	1.0	0	30.0	31.0	6.9	13.7	Có đơn XN thời gian thường trú
28	NGUYỄN THIÊN	TRÍ	18/10/2011	Đắk Lắk	Nam	Mường	Thôn 3, Xã Cư Jút, Tỉnh Lâm Đồng	01/07/2011	1.0	0	30.0	31.0	6.7	13.5	Có đơn XN thời gian thường trú
29	ĐÀM THỊ NGỌC	ÁNH	30/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn 12, Xã Cư Jút, Tỉnh Lâm Đồng	10/10/2013	1.0	0	29.0	30.0	6.8	12.4	
30	LANG ÁNH NGỌC	KIỀU	16/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thái	Thanh Xuân, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng	08/02/2012	1.0	0	28.0	29.0	7.3	12.7	
31	HÀU MAI	HOA	29/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	H'Mông	Thôn 20, Xã Nam Dong, Tỉnh Lâm Đồng	09/01/2012	1.0	0	28.0	29.0	7.0	14.4	
32	H LISA	AZUN	26/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Ê-đê	Buôn Knha, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng	09/04/2011	1.0	0	28.0	29.0	7.0	12.1	
33	TÔN THỊ XUÂN	THƯƠNG	24/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn 18, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng	14/10/2011	1.0	0	30.0	31.0	7.0	11.6	
34	LÀNH NGỌC MAI	LINH	29/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn 17, Xã Nam Dong, Tỉnh Lâm Đồng	28/02/2012	1.0	0	28.0	29.0	6.6	10.9	
35	HÀ VĂN	VĨNH	12/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Thái	Thôn Hợp Tân, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng	18/12/2011	1.0	0	25.0	26.0	5.6	11.0	Có đơn XN thời gian thường trú

Danh sách này có 35 học sinh./.

DUYỆT KẾT QUẢ TUYỂN SINH CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Công nhận trúng tuyển học sinh, trong đó:

Xã: HS, Xã: HS

Xã: HS, Xã: HS

Xã: HS, Xã: HS

- Số HS tuyển thẳng: HS

- Số lớp: lớp; Sĩ số: HS/lớp

Lâm Đồng, ngày tháng năm.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Viết Thanh

Lưu ý: * Cột Địa chỉ nơi đăng ký thường trú: đảm bảo thông tin về thôn (khu phố), xã (phường, thị trấn), huyện (thành phố)

** Cột Ghi chú: trường hợp Tuyển thẳng trường PT DTNT, cần ghi rõ lý do tuyển thẳng (DTTS rất ít người; Đạt giải cấp quốc gia về VH, VN, TDTT)